

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua biên chế khối đảng, đoàn thể; quyết định giao biên chế công chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ quy định về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 8142/TTr-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua biên chế khối Đảng, đoàn thể; quyết định giao biên chế công chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 864/BC-HĐND ngày 01/12/2020 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua biên chế khối Đảng, đoàn thể; quyết định giao biên chế công chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2021, như sau:

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của khối đảng, đoàn thể là **1.409**, trong đó: **1.173** biên chế công chức, **165** người làm việc, **71** hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

(Số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 01).

2. Giao **2.360** biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh (Số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 02).

3. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh là **24.450**.

4. Giao **549** hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, trong đó: Hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính là **257** (Số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 02); Hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **292**.

5. Tiếp tục giao **79** định biên cho các hội đặc thù để thực hiện nhiệm vụ.

6. Ghi nhận số lượng **222** người làm việc của Trung tâm truyền thông tỉnh (trong đó có 132 viên chức) đến khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo phương án tự chủ của Trung tâm.

**Điều 2.** Thống nhất bố trí một khoản kinh phí trong dự toán và phương án phân bổ ngân sách năm 2021 để các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục sử dụng 85 hợp đồng lao động để bố trí cho các Trung tâm phục vụ hành chính công, Thư viện tỉnh và Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Tập trung rà soát, sắp xếp biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của công chức, viên chức và người lao động; đảm bảo việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng công chức, viên chức; tăng cường quản lý, sử dụng biên chế theo đúng quy định hiện hành. Hoàn thiện phương án phân bổ số lượng người làm việc và phương án giao hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất trong Quý I/2021.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 09/12/2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ(b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, PC3.

**CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Xuân Kỳ**

**PHỤ BIỂU SỐ 01**  
**BIÊN CHẾ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**  
**THUỘC TỈNH NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)



Tên cơ quan, đơn vị		Biên chế giao năm 2021			
		Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng 68
2		3	4	5	6
<b>Tổng biên chế được giao</b>		<b>1409</b>	<b>1173</b>	<b>165</b>	<b>71</b>
<b>I</b>	<b>Khối Đảng, đoàn thể tỉnh</b>	<b>430</b>	<b>375</b>	<b>25</b>	<b>30</b>
1	Văn phòng Tỉnh ủy	65	52		13
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	28	28		
3	Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy	27	27		
4	Ban Dân vận Tỉnh ủy	17	17		
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	27	27		
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	18	18		
7	Đảng ủy Khối Cơ quan tỉnh	21	19		2
8	Mặt trận Tổ quốc tỉnh	26	25		1
9	Hội Nông dân tỉnh	20	18		2
10	Hội Cựu chiến binh tỉnh	13	13		
11	Tỉnh đoàn	46	30	7	9
12	Liên đoàn lao động tỉnh	100	80	18	2
13	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	22	21		1
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>	<b>158</b>	<b>17</b>	<b>138</b>	<b>3</b>
14	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ	68	1	65	2
15	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	30	15	15	
16	Trung tâm Truyền thông tỉnh	60	1	58	1
<b>III</b>	<b>Khối Đảng, đoàn thể cấp huyện</b>	<b>804</b>	<b>766</b>		<b>38</b>
17	Huyện ủy Ba Chẽ	52	50		2
18	Huyện Bình Liêu	52	50		2

11/12

	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021			
		Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng 68
		3	4	5	6
19	Huyện ủy Đầm Hà	53	50		3
20	Huyện ủy Hải Hà	56	54		2
21	Huyện ủy Tiên Yên	57	56		1
22	Huyện ủy Vân Đồn	55	52		3
23	Thành ủy Uông Bí	64	60		4
24	Thành ủy Cẩm Phả	69	62		7
25	Thành ủy Móng Cái	70	68		2
26	Thành ủy Hạ Long	120	115		5
27	Thị ủy Đông Triều	63	60		3
28	Thị ủy Quảng Yên	57	53		4
29	Huyện ủy Cô Tô	36	36		
<b>IV</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	

PHỤ BIỂU SỐ 02

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP  
 NGÀY 17/11/2000 CỦA CHÍNH PHỦ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH  
 CHÍNH THUỘC TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021		
		Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68
	2	3	4	5
	<b>Tổng biên chế được giao</b>	<b>2617</b>	<b>2360</b>	<b>257</b>
<b>I</b>	<b>Khối sở, ban, ngành</b>	<b>1602</b>	<b>1421</b>	<b>181</b>
1	Ban An toàn giao thông	7	6	1
2	Ban Dân tộc tỉnh	20	18	2
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	46	41	5
4	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	15	14	1
5	Ban Xây dựng nông thôn mới	18	16	2
6	Sở Công Thương	45	41	4
7	Sở Du lịch	33	30	3
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	57	53	4
9	Sở Khoa học và Công nghệ	50	45	5
10	Sở Giao thông vận tải	101	85	16
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	49	3
12	Sở Lao động - Thương binh và XH	74	68	6
13	Sở Nội vụ	79	72	7
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	399	349	50
15	Sở Ngoại vụ	25	22	3
16	Sở Tài chính	74	68	6
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	96	89	7
18	Sở Tư pháp	38	32	6
19	Sở Thông tin và Truyền thông	31	29	2
20	Sở Văn hoá và Thể thao	41	37	4
21	Sở Xây dựng	53	50	3

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021		
		Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68
22	Sở Y tế	68	62	6
23	Thanh tra tỉnh	45	40	5
24	Trung tâm Hành chính công tỉnh	3	3	
25	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND	44	34	10
26	Văn phòng UBND tỉnh	88	68	20
<b>II</b>	<b>Khôi huyện</b>	<b>1008</b>	<b>932</b>	<b>76</b>
1	Thành phố Hạ Long	168	157	11
2	Thành phố Móng Cái	93	86	7
3	Thành phố Uông Bí	87	81	6
4	Thành phố Cẩm Phả	92	85	7
5	Thị xã Quảng Yên	82	75	7
6	Thị xã Đông Triều	84	78	6
7	Huyện Vân Đồn	75	66	9
8	Huyện Cô Tô	32	28	4
9	Huyện Tiên Yên	54	51	3
10	Huyện Bình Liêu	60	56	4
11	Huyện Ba Chẽ	59	55	4
12	Huyện Đầm Hà	60	56	4
13	Huyện Hải Hà	62	58	4
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	